

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2014/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 07 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về dạy thêm,
học thêm trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số
61/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 73/TTr-SNV ngày 14/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 61/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Lào Cai.

1. Khoản 4 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“4. Đối với giáo viên đang hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Không được tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường nhưng có thể tham gia dạy thêm ngoài nhà trường;

b) Không được dạy thêm ngoài nhà trường đối với học sinh mà giáo viên đang dạy chính khóa khi chưa được sự cho phép của Thủ trưởng cơ quan quản lý giáo viên đó.”

2. Khoản 3 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Giáo viên có nguyện vọng dạy thêm (bao gồm cả giáo viên tại cơ sở giáo dục khác) phải có đơn đăng ký dạy thêm; trong đơn có cam kết với nhà trường về việc hoàn thành tốt các nhiệm vụ của giáo viên theo quy định chung và các nhiệm vụ khác do nhà trường phân công, đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường.”

3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Yêu cầu đối với người dạy thêm

1. Đạt trình độ chuẩn được đào tạo đối với từng cấp học theo quy định của Luật Giáo dục. Đối với người dạy thêm nội dung giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống phải có chứng chỉ qua lớp đào tạo, bồi dưỡng về giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống do tổ chức có thẩm quyền cấp.

2. Có đủ sức khỏe.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và các quy định của pháp luật; hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại cơ quan công tác.

4. Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục; không bị kỷ luật với hình thức buộc thôi việc.

5. Có đơn đăng ký dạy thêm:

a) Được thủ trưởng cơ quan quản lý cho phép tham gia dạy thêm ngoài nhà trường theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 4 Quy định này (*đối với giáo viên đang hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập*); xác nhận đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4 điều này khi tham gia dạy thêm tại các cơ sở giáo dục khác.

b) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đảm bảo các quy định tại Khoản 3, Khoản 4 điều này (*đối với người dạy thêm không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 5 điều này*).”

4. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Thời gian, thời lượng.

1. Không tổ chức dạy thêm, học thêm:

a) Vào các ngày nghỉ lễ do Nhà nước quy định; vào ngày Chủ nhật hàng tuần;

b) Từ 11h30 đến 13h30, từ 17h00 đến 19h00 và từ sau 21h30 hằng ngày;

2. Thời lượng:

a) Đối với cấp Trung học: không quá 4 buổi/tuần (riêng các lớp ôn thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng cho học sinh lớp 12; ôn thi tuyển sinh trung học phổ thông cho học sinh lớp 9 tổ chức trong tháng 6, tháng 7 hằng năm không quá 6 buổi/tuần), mỗi

buổi không quá 4 tiết (mỗi tiết 45 phút).

b) Đối với các lớp bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục thể thao, giáo dục giá trị sống và rèn luyện kỹ năng sống: không quá 3 buổi/tuần; mỗi buổi không quá 3 tiết.”

5. Khoản 1 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đối với dạy thêm, học thêm trong nhà trường:

a) Quản lý tiền dạy thêm, học thêm: Nhà trường tổ chức thu, chi và công khai thanh quyết toán tiền học thêm thông qua bộ phận tài vụ của nhà trường; giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên dạy thêm không trực tiếp thu, chi tiền dạy thêm;

b) Sử dụng tiền dạy thêm, học thêm:

- Chi 80% cho giáo viên trực tiếp giảng dạy;
- Chi 20% cho công tác tổ chức và quản lý, chỉ đạo chuyên môn; quản lý tài chính; quản lý hành chính; phúc lợi chung; mua sắm tài liệu; tiền điện nước; hao mòn tài sản phục vụ việc dạy thêm.”

6. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Hồ sơ cấp giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm.

1. Đối với dạy thêm, học thêm trong nhà trường:

a) Tờ trình xin cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm;

b) Danh sách trích ngang người đăng ký dạy thêm đảm bảo các yêu cầu tại Điều 7 của Quy định này; đơn xin dạy thêm của giáo viên không thuộc đơn vị trực tiếp quản lý (có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).

c) Bản kế hoạch tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong đó nêu rõ các nội dung về: đối tượng học thêm, nội dung dạy thêm; địa điểm, cơ sở vật chất tổ chức dạy thêm; mức thu tiền dạy thêm đối với 01 học sinh/buổi học và phương án chi tiền học thêm, phương án tổ chức dạy thêm, học thêm.

2. Đối với dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường:

a) Đơn xin cấp giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, trong đó cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện các quy định tại Khoản 1, Điều 6 của quy định này;

b) Danh sách trích ngang người tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm;

c) Đơn xin dạy thêm có dán ảnh của người đăng ký dạy thêm và có xác nhận theo quy định tại Khoản 5, Điều 7 của quy định này;

d) Bản chứng thực các giấy tờ xác định trình độ đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của người tổ chức dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm;

đ) Giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên cấp cho người tổ chức dạy thêm, học thêm và người đăng ký dạy thêm;

e) Bản kế hoạch tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong đó nêu rõ các nội

dung về: đối tượng học thêm, nội dung dạy thêm, địa điểm, cơ sở vật chất tổ chức dạy thêm, mức thu tiền học thêm, phương án tổ chức dạy thêm, học thêm.

3. Các lớp dành cho trẻ khuyết tật, lớp học từ thiện được miễn cấp giấy phép dạy thêm nhưng trước khi mở lớp phải báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với lớp có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông), báo cáo phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với những lớp có nội dung thuộc chương trình tiểu học, trung học cơ sở hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học cơ sở) và được sự đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo bằng văn bản.”

7. Khoản 1 Điều 17 được sửa đổi như sau:

“1. Thời hạn của giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm nhiều nhất là 24 tháng kể từ ngày ký; trước khi hết hạn 01 tháng phải tiến hành thủ tục gia hạn (nếu có nhu cầu).”

8. Điểm b Khoản 2 Điều 20 được sửa đổi như sau:

“b) Quản lý, tổ chức việc dạy và học chính khóa, đảm bảo các nguyên tắc dạy thêm, học thêm quy định tại Điều 3 của quy định này; quản lý việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh; xác nhận các nội dung yêu cầu đối với người dạy thêm theo quy định tại Điều 7 của quy định này.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Doãn Văn Hưởng